



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 08

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

02/03/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 06/2023/QĐ-UBND ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La	3
16/03/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 07/2023/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng	16

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

27/02/2023	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 05/CT-UBND về việc tổ chức diễn tập ứng phó bão, lũ, cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, thành phố năm 2023	19
03/03/2023	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 327/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” trên địa bàn tỉnh Sơn La	21
07/03/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 335/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023	34

13/03/2023	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 363/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ	37
21/03/2023	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 06/CT-UBND về thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023	52
21/03/2023	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 399/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Sơn La phát triển du lịch bền vững và hội nhập” giai đoạn 2023 - 2025	61
22/03/2023	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 402/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2023	71

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch
sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 23/TTr-SYT ngày 23 tháng 02 năm 2023 và hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La, Ký hiệu: QCĐP 01:2023/SL.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, KGVX, S.Hùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCĐP 01:2023/SL

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH
SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

(Local technical regulation on Domestic water quality in SonLa province)

SƠN LA - 2023

Lời nói đầu

QCĐP 01:2023/SL do Sở Y tế, Ban soạn thảo tỉnh Sơn La biên soạn trên cơ sở quy định giao quyền tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 Bộ Trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT, Sở Y tế trình, UBND tỉnh Sơn La ban hành theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH
HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

(Local technical regulation on Domestic water quality)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (*sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước*) được thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Sơn La; Các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng cho mục đích ăn uống, vệ sinh của con người (viết tắt là nước sạch).

2. Mạng lưới cấp nước là hệ thống đường ống dẫn truyền nước sạch từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, bao gồm mạng cấp I, mạng cấp II, mạng cấp III và các công trình phụ trợ có liên quan.

3. Thông số cảm quan là những yếu tố về màu sắc, mùi vị có thể cảm nhận được bằng các giác quan của con người.

4. CFU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "Colony Forming Unit" có nghĩa là đơn vị hình thành khuẩn lạc.

5. NTU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "Nephelometric Turbidity Unit" có nghĩa là đơn vị đo độ đục.

6. TCU là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "True Color Unit" có nghĩa là đơn vị đo màu sắc.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 4. Danh mục các thông số chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
	Thông số vi sinh vật		
1	Coliform	CFU/100 mL	<3
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1
	Thông số cảm quan và vô cơ		
3	Arsenic (As) ^(*)	mg/L	0,01
4	Clo dư tự do ^(**)	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	2
6	Màu sắc	TCU	15
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5
Các thông số nhóm B			
	Thông số vi sinh vật		
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1
	Thông số vô cơ		
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,3
12	Antimon (Sb)	mg/L	0,02
13	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
14	Chỉ số pecmanganat	mg/L	2
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	300
16	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
17	Natri (Na)	mg/L	200
18	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
19	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	2
20	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	0,05
21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
22	Seleni (Se)	mg/L	0,01
23	Sunphat	mg/L	250
24	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
Thông số hữu cơ			
	Hydrocacbua thơm		
25	Benzen	$\mu\text{g/L}$	10
26	Etylbenzen	$\mu\text{g/L}$	300
27	Phenol và dẫn xuất của Phenol	$\mu\text{g/L}$	1
28	Styren	$\mu\text{g/L}$	20
29	Toluen	$\mu\text{g/L}$	700
30	Xylen	$\mu\text{g/L}$	500
	Thông số hóa chất bảo vệ thực vật		
31	Carbofuran	$\mu\text{g/L}$	5
32	Chlorpyrifos	$\mu\text{g/L}$	30
33	Cyanazine	$\mu\text{g/L}$	0,6
34	DDT và các dẫn xuất	$\mu\text{g/L}$	1
35	Hydroxyatrazine	$\mu\text{g/L}$	200
36	MCPA	$\mu\text{g/L}$	2
37	Permethrin	$\mu\text{g/L}$	20
38	Propanil	$\mu\text{g/L}$	20
Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ			
39	Bromodichloromethane	$\mu\text{g/L}$	60
40	Bromoform	$\mu\text{g/L}$	100
41	Chloroform	$\mu\text{g/L}$	300
42	Dibromochloromethane	$\mu\text{g/L}$	100

Chú thích:

- Dấu (-) là không có đơn vị tính
- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Hai chất Nitrit và Nitrat đều có khả năng tạo methemoglobin. Do vậy, trong trường hợp hai chất này đồng thời có mặt trong nước sinh hoạt thì tổng tỷ lệ nồng độ (C) của mỗi chất so với giới hạn tối đa (GHTĐ) của chúng không được lớn hơn 1 và được tính theo công thức sau

$$C_{\text{nitrat}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrat}} + C_{\text{nitrit}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrit}} \leq 1$$

Điều 5. Thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch

1. Việc thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025.

2. Thông số chất lượng nước nhóm A: Tất cả các đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm toàn bộ các thông số chất lượng nước sạch nhóm A trong danh mục quy định tại Điều 4 của Quy chuẩn này, tần suất thử nghiệm định kỳ không ít hơn 01 lần/01 tháng.

3. Thông số chất lượng nước sạch nhóm B: Tất cả các đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm toàn bộ các thông số chất lượng nước sạch nhóm B trong danh mục quy định tại Điều 4 của Quy chuẩn này, tần suất thử nghiệm định kỳ không ít hơn 01 lần/6 tháng.

4. Đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm toàn bộ các thông số chất lượng nước sạch của nhóm A và nhóm B trong danh mục các thông số chất lượng nước sạch quy định tại Điều 4 QCVN 01-1:2018/BYT trong các trường hợp sau đây:

- a) Trước khi đi vào vận hành lần đầu.
- b) Sau khi nâng cấp, sửa chữa lớn có tác động đến hệ thống sản xuất.
- c) Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch.
- d) Khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- đ) Định kỳ 03 năm một lần kể từ lần thử nghiệm toàn bộ các thông số gần nhất.

Điều 6. Số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm

1. Số lượng mẫu lấy mỗi lần thử nghiệm.

- a) Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: Lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch.
- b) Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: Lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch và cứ thêm 100.000 dân sẽ lấy thêm 01 mẫu.

2. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu tại bể chứa nước đã xử lý của đơn vị cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới đường ống phân phối, 01 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối, các mẫu còn lại lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối (*bao gồm cả các phương tiện phân phối nước như xe bồn hoặc ghe chở nước*).

3. Đối với cơ quan, đơn vị, khu chung cư, khu tập thể, Bệnh viện, Trường học, Doanh nghiệp, khu vực có bể chứa nước tập trung: Lấy ít nhất 02 mẫu gồm 01 mẫu tại bể chứa nước tập trung và 01 mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng. Nếu có từ 02 bể chứa nước tập trung trở lên thì mỗi bể lấy ít nhất 01 mẫu tại bể và 01 mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng.

4. Trong trường hợp có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, tình hình dịch bệnh: Có thể tăng số lượng mẫu nước lấy tại các vị trí khác nhau để thử nghiệm.

Điều 7. Phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử

1. Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch được quy định tại Phụ lục số 01 của QCVN 01-1:2018/BYT.

2. Trong trường hợp các phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử nghiệm quy định tại Phụ lục số 01 của QCVN 01-1:2018/BYT có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Chương III QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Điều 8. Công bố hợp quy

1. Đơn vị sản xuất nước sạch phải tự công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018, Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

2. Đơn vị sản xuất nước sạch phải tiến hành đánh giá hợp quy theo phương thức đánh giá sự phù hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và gửi bản tự công bố hợp quy về Sở Y tế tỉnh Sơn La theo Mẫu tại Phụ lục số 02 của QCVN 01-1:2018/BYT.

3. Dấu hợp quy thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; ký hiệu trên dấu hợp quy thực hiện theo quy định tại mục 3 Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

4. Trình tự công bố hợp quy được quy định tại điểm a mục 1, và điểm a mục 2 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN và Hồ sơ đăng ký công bố hợp quy được quy định tại điểm a mục 1 và mục 2 khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN và khoản 8 Điều 3 Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.

Điều 9. Quy định về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

1. Kết quả thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch quy định tại khoản 2 và 3 Điều 5 của Quy chuẩn này phải được đơn vị cấp nước công khai trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày có kết quả trên trang thông tin điện tử của đơn vị cấp nước (*trường hợp không có trang thông tin điện tử, đơn vị cấp nước phải dán thông báo trước cổng trụ sở*) các nội dung sau:

- a) Tổng số mẫu nước thử nghiệm và các vị trí lấy mẫu.
- b) Các thông số và kết quả thử nghiệm cụ thể của từng mẫu nước.
- c) Biện pháp và thời gian khắc phục các thông số không đạt Quy chuẩn.

2. Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố phải kiểm tra (ngoại kiểm) việc thực hiện các quy định về đảm bảo chất lượng nước sạch của đơn vị cấp nước theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 10 của Quy chuẩn này với các nội dung như sau:

a) Kiểm tra việc thực hiện thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch của đơn vị cấp nước quy định tại khoản 2 và 3 Điều 5 của Quy chuẩn; hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước sạch; công khai thông tin chất lượng nước sạch quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chuẩn này.

b) Lấy mẫu và thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 5, số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm theo quy định tại Điều 6 của Quy chuẩn này.

c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả ngoại kiểm chất lượng nước sạch, cơ quan thực hiện ngoại kiểm thông báo bằng văn bản cho đơn vị cấp nước được ngoại kiểm; công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện ngoại kiểm; thông báo cho đơn vị có thẩm quyền lựa chọn đơn vị cấp nước và cơ quan chủ quản đơn vị cấp nước đã được ngoại kiểm (nếu có) về kết quả ngoại kiểm gồm các thông tin sau đây:

- Tên đơn vị được kiểm tra.
- Kết quả kiểm tra các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chuẩn này.

3. Tần suất thực hiện ngoại kiểm chất lượng nước sạch

a) Mỗi đơn vị cấp nước phải được ngoại kiểm định kỳ 01 lần/01 năm.

b) Ngoại kiểm đột xuất được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Khi có nghi ngờ về chất lượng nước thành phẩm qua theo dõi báo cáo tình hình chất lượng nước định kỳ, đột xuất của đơn vị cấp nước.

- Khi xảy ra sự cố môi trường có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

- Khi kết quả kiểm tra chất lượng nước hoặc điều tra dịch tễ cho thấy nguồn nước có nguy cơ bị ô nhiễm.

- Khi có các phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về chất lượng nước.

- Khi có các yêu cầu đặc biệt khác của cơ quan có thẩm quyền.

4. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước của đơn vị cấp nước thực hiện theo các quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 của Quy chuẩn này.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn triển khai, tổ chức thực hiện và có trách nhiệm kiến nghị với UBND tỉnh sửa đổi hoặc bổ sung cho Quy chuẩn kỹ thuật địa phương phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.

b) Tiếp nhận bản công bố hợp quy của đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng kế hoạch, bảo đảm nhân lực, trang thiết bị và bố trí kinh phí (*trong ngân sách hàng năm*) cho việc thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát chất lượng nước do hộ gia đình tự khai thác ở vùng có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước để có biện pháp đảm bảo sức khỏe người dân.

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có trách nhiệm

a) Thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt của tất cả các đơn vị cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên (*hoặc có công suất 1000 m³/ngày đêm trở lên trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình*); báo cáo ngoại kiểm theo Mẫu số 1 của phụ lục ban hành tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018.

b) Phối hợp với các Trung tâm Y tế huyện thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (*hoặc có công suất dưới 1000 m³/ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình*).

c) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hàng năm cho việc tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra chất lượng nước sạch.

d) Báo cáo bằng văn bản định kỳ 6 tháng, hàng năm cho Sở Y tế tỉnh, Viện chuyên ngành thuộc Bộ Y tế và Cục Quản lý môi trường - Bộ Y tế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cuối của tháng 6 và tháng 12; báo cáo theo Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018.

3. Trung tâm Y tế cấp huyện có trách nhiệm

a) Thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của tất cả các đơn vị cấp nước cho dưới 500 hộ gia đình (*hoặc công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình*). Báo cáo kết quả ngoại kiểm theo Mẫu số 1 của Phụ lục ban hành tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018.

b) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hàng năm cho việc thực hiện các hoạt động kiểm tra chất lượng nước sạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Báo cáo bằng văn bản định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12. Nội dung báo cáo theo Mẫu số 04 của Phụ lục tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018.

4. Đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh Sơn La có trách nhiệm

a) Bảo đảm chất lượng nước sạch, thực hiện việc giám sát chất lượng nước sạch theo quy định tại Quy chuẩn này và quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế, Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ Y tế.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước sạch do đơn vị cung cấp.

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Lưu trữ và quản lý hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch:

- Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Các kết quả thử nghiệm chất lượng nước nguyên liệu định kỳ, đột xuất.

- Các kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch định kỳ, đột xuất.

- Các hồ sơ về hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch.

- Sở theo dõi việc lưu mẫu nước (*mỗi lần lấy mẫu nước ghi cụ thể số lượng mẫu nước lưu, vị trí lấy mẫu, thể tích mẫu, phương pháp bảo quản mẫu; thời gian lấy mẫu và lưu mẫu; người lấy mẫu nước*).

- Báo cáo biện pháp khắc phục các sự cố liên quan đến chất lượng nước sạch.

- Công khai thông tin về chất lượng nước sạch.

- Các tài liệu chứng minh việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định.

e) Báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch hàng quý cho Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo Mẫu số 05, Mẫu số 06 của phụ lục ban hành tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Điều 11. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các quy định về phương pháp thử theo Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới, văn bản mới./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD, ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 38/TTr-SXD ngày 03 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc Sở Xây dựng là người đứng đầu Sở Xây dựng, là Ủy viên UBND tỉnh, chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở Xây dựng và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được giao.

b) Phó Giám đốc Sở Xây dựng là người giúp Giám đốc Sở Xây dựng phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Xây dựng; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Xây dựng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền điều hành các hoạt động của Sở Xây dựng.

2. Các đơn vị tham mưu tổng hợp, phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Quy hoạch, Kiến trúc;

d) Phòng Quản lý xây dựng;

đ) Phòng Kinh tế xây dựng, Hạ tầng kỹ thuật;

e) Phòng Phát triển đô thị, Thị trường bất động sản;

g) Phòng Giám định xây dựng.

3. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Xây dựng

a) Trung tâm Quy hoạch xây dựng;

b) Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng.

Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các đơn vị tham mưu tổng hợp, phòng chuyên môn theo quy định của pháp luật. Căn cứ các quy định của pháp luật, Giám đốc Sở ban hành Quy chế làm việc của Sở Xây dựng và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và thay thế Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Sơn La.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/CT-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 02 năm 2023

CHỈ THỊ

Về việc tổ chức diễn tập ứng phó bão, lũ, cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, thành phố năm 2023

Trong thời gian qua công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và công tác phòng cháy, chữa cháy rừng - bảo vệ rừng đã thu được kết quả quan trọng, giảm thiểu đáng kể thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Tuy nhiên, do tác động của biến đổi khí hậu, tình hình thiên tai mưa, lũ và sạt lở trên địa bàn tỉnh còn diễn biến phức tạp. Trong những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023, tình hình thời tiết cực đoan, khó dự báo, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái. Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền địa phương, Nhân dân về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và công tác phòng cháy, chữa cháy rừng - bảo vệ rừng; hạn chế thấp nhất thiệt hại do bão, lũ, cháy rừng có thể xảy ra trong năm 2023 và những năm tiếp theo, Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị như sau:

1. Tổ chức diễn tập ứng phó bão, lũ và tìm kiếm cứu nạn tại huyện Mường La; diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn tại huyện Bắc Yên năm 2023.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tham mưu với Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo các ngành, các đơn vị trực thuộc chuẩn bị đầy đủ văn kiện chỉ đạo các cuộc diễn tập; tham mưu cho UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo diễn tập ứng phó bão, lũ, cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (*nếu có thay đổi*); hướng dẫn, phối hợp với UBND huyện Mường La và Bắc Yên tổ chức diễn tập ứng phó bão, lũ, cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện năm 2023 đúng quy định, bảo đảm an toàn tuyệt đối trước, trong và sau diễn tập.

3. Sở Tài chính phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND huyện Mường La, Bắc Yên bảo đảm kinh phí cho các cuộc diễn tập.

4. UBND huyện Mường La, Bắc Yên: Chỉ đạo các ngành chức năng trên địa bàn, hiệp đồng làm tốt công tác chuẩn bị và thực hành diễn tập đảm bảo sát thực tế, đạt chất lượng, hiệu quả, an toàn, tiết kiệm; vận dụng tốt phương châm 4 tại chỗ (*lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ và hậu cần tại chỗ*). Sau diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phòng cháy, chữa cháy rừng - bảo vệ rừng sát với tình hình thực tế của địa phương.

5. Thời gian tổ chức diễn tập

5.1. Diễn tập ứng phó bão, lũ và tìm kiếm cứu nạn huyện Mường La: Trong tháng 6 năm 2023.

5.2. Diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn huyện Bắc Yên: Trong tháng 11 năm 2023.

6. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo diễn tập ứng phó bão lũ, cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn tỉnh xây dựng văn kiện, tiến hành thẩm định và thông qua văn kiện chỉ đạo diễn tập với cơ quan Quân khu 2 trước khi diễn tập 01 tháng. Huyện Mường La và huyện Bắc Yên hoàn thành mọi công tác chuẩn bị, tổ chức luyện tập xong trước khi diễn tập 02 ngày.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND huyện Mường La, Chủ tịch UBND huyện Bắc Yên quán triệt, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*)
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Mường La, huyện Bắc Yên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT; NC.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Hoàng Quốc Khánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 327/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua
“**Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành
tiết kiệm, chống lãng phí**” trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thực hành, tiết kiệm chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thực hành, tiết kiệm chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 171/TTr-SNV ngày 01 tháng 03 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” (sau đây viết tắt là *Phong trào thi đua*) trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hương (10 bản)

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tạo khí thế thi đua sôi nổi, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong đẩy mạnh xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, hiện đại; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các công ty, doanh nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đời sống xã hội.

b) Thông qua phong trào thi đua, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành trong chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu, biện pháp, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, phù hợp với chức năng, điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng lãng phí trên tất cả các lĩnh vực.

2. Yêu cầu

a) Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” là một trong những phong trào thi đua trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và nhân dân; gắn với đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

b) Phát động, triển khai phong trào thi đua với nội dung thiết thực, hình thức phong phú, sâu rộng, đồng bộ, xuyên suốt nhằm góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng vốn, tài sản, lao động, sức lao động và tài nguyên, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện Phong trào thi đua, định kỳ sơ kết, tổng kết, kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong Phong trào thi đua.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

Các sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các tổ chức xã hội, đoàn thể; công ty, doanh nghiệp; hộ gia đình và mỗi người dân theo chức năng, nhiệm vụ tập trung vào các hoạt động đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Thi đua đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng

- Đổi mới tư duy về thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp, ổn định, bình đẳng, công khai, minh bạch, tạo đột phá theo phương châm: chính sách phải phục vụ sự phát triển, tạo điều kiện cho phát triển.

- Thi đua huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, chất lượng đầu tư, cân bằng lợi ích các chủ thể.

- Thi đua lao động sáng tạo, hoàn thành đúng tiến độ hoặc vượt kế hoạch, đảm bảo chất lượng các công trình, dự án, nhất là các dự án quan trọng của tỉnh, của quốc gia, các dự án có sức ảnh hưởng, hạ tầng số, các công trình an sinh xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để tạo sự đột phá, các dự án tạo nền tảng tiếp cận và nắm bắt cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Thi đua nâng cao năng lực, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị nhà nước, đặc biệt là các công ty, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong quy hoạch, xây dựng, quản lý, giám sát, vận hành, khai thác các công trình, dự án kết cấu hạ tầng đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực làm công tác xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác các công trình kết cấu hạ tầng.

- Thi đua nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong thiết kế, thi công, xây dựng, khai thác và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng để nâng cao hiệu quả lao động, rút ngắn thời gian thực hiện, tiết kiệm tài nguyên và nguồn nhân lực, sử dụng nguyên vật liệu có tính ứng dụng cao, thân thiện với môi trường.

- Thi đua vận động toàn dân tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng tại cộng đồng dân cư; tích cực tham gia giải phóng mặt bằng, hiến đất, vật liệu; chung sức làm đường giao thông nông thôn, tham gia xây dựng các công trình phúc lợi tại xã, phường, thị trấn; thôn tổ dân phố. Đặc biệt, chấp hành tốt việc tham gia giải phóng mặt bằng cho các dự án hạ tầng tại địa bàn cư trú.

2. Thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí nhà nước; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong các lĩnh vực để khôi phục và phát triển kinh tế đã được Nghị quyết của Đảng đề ra.

- Thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm xây dựng, quản lý sử dụng tài sản nhà nước, đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, phát triển bền vững quốc gia gắn với bảo vệ môi trường; sử dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong khai thác, chế biến tài nguyên; đảm bảo quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích.

- Thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, sử dụng hiệu quả, đa dạng hóa nguồn vốn với cơ cấu vốn hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích; đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế.

- Thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân.

- Thi đua quản lý, sử dụng hiệu quả lao động trong khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng, đảm bảo an sinh xã hội; nhận thức và ý thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, qua đó góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phục hồi, phát triển kinh tế, phân đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND các huyện, thành phố rà soát, hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng để đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, chất lượng, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao; chỉ đạo quyết liệt, hoàn thành sớm các công trình dự án quan trọng quốc gia, các dự án có sức lan tỏa, tạo sự đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển kết cấu hạ tầng gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền gắn với xác

định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng công việc. Thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động và tài nguyên; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm và công khai việc xử lý vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý. Thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong khai thác, chế biến tài nguyên, đảm bảo quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích tài nguyên; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực lao động, thời gian lao động; sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn lực đóng góp của cộng đồng. Tập trung cùng Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong đầu tư, quản lý, khai thác các công trình hạ tầng, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh làm nòng cốt tham gia vận động, tập hợp, đoàn kết nhân dân tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, các công trình phúc lợi trên địa bàn dân cư; nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đời sống xã hội. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong việc xây dựng các cơ chế chính sách về xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Phát hiện, động viên, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong Phong trào thi đua. Tập trung khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nhân, kỹ sư, công nhân, người dân có những đề xuất, sáng kiến trong nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đầu tư, huy động các nguồn lực đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hiệu quả.

IV. TIÊU CHÍ THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Tiêu chí thi đua

1.1. Đối với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

a) Về phát triển kết cấu hạ tầng

- Tiếp tục tham mưu đổi mới cơ chế, chính sách, hoàn thiện thể chế, luật pháp, quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư kết cấu hạ tầng để huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là trong sử dụng nguồn lực đất đai, phát huy hiệu quả các hoạt động xây dựng, đầu tư, đầu

thầu..., đảm bảo trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi đồng hành với cả 3 chủ thể: nhà nước, người dân và doanh nghiệp, thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế, xã hội;

- Đầu tư và hoàn thành chất lượng, đúng và vượt tiến độ các dự án hạ tầng trọng điểm của tỉnh, của quốc gia, quy mô lớn, các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao về xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh Chương trình chuyển đổi số đến, kinh tế số, xã hội số; xây dựng dữ liệu Quốc gia, đảm bảo không gian mạng an toàn;

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo thuận lợi, khắc phục những phiền hà giảm chi phí cho các nhà đầu tư. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin và xây dựng cơ chế giám sát để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương;

- Ứng dụng sản phẩm công nghệ số thiết kế, sản xuất trong nước và phương pháp quản lý hiện đại trong việc tổ chức xây dựng, khai thác và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng nhằm đảm bảo chất lượng, hạn chế ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường tư vấn, giám sát độc lập nhằm nâng cao chất lượng công trình, rút ngắn tiến độ thực hiện để đưa vào khai thác, sử dụng và quản lý có hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng;

- Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới;

- Đa dạng hóa phương thức huy động nguồn lực, phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; tập trung bố trí nguồn lực cho các dự án hạ tầng dùng chung, công trình có tính chất đột phá, có tác động lan tỏa. Phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công được giao gắn với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn.

b) Về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Xây dựng và ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm cho ngành, lĩnh vực và cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

- Ban hành và công khai hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn thuộc thẩm quyền quản lý kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn, tiên bộ khoa học và công nghệ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí;

- Giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách nhà nước, đảm bảo tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 62 - 63% tổng chi ngân sách nhà nước, trong tổ chức thực hiện phân đấu giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống khoảng 60%;

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý ngân sách nhà nước về khoa học đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm nghiên cứu, hướng tới phục vụ sản xuất kinh doanh, lấy doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Sử dụng hiệu quả kinh phí Nhà nước thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, y tế;

- Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập. Phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025, tiếp tục giảm tối thiểu bình quân 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021; có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính;

- Thực hiện có hiệu quả Luật Đầu tư công, đảm bảo quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định. Đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước;

- Thực hiện tích hợp các chế độ, chính sách có cùng mục đích, đối tượng, phạm vi giữa các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của chương trình, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý, thực hiện. Quản lý mạng lưới an sinh xã hội thống nhất trên nền tảng số, kết nối liên thông;

- Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phát huy nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai cho phát triển kinh tế; Phát triển kinh tế bền vững, bảo tồn cảnh quan và đa dạng sinh học; cân đối giữa khai thác và dự trữ khoáng sản, gắn công nghiệp khai khoáng với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15%, giảm mức tổn thất điện năng xuống thấp hơn 6,5%;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó cải cách thủ tục hành chính nhằm bảo đảm thông thoáng, thuận lợi, khắc phục phiền hà và giảm chi phí cho các nhà đầu tư, tăng năng suất lao động xã hội. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin và xây dựng cơ chế giám sát cụ thể để các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện của các sở, ngành, địa phương;

1.2. Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong hệ thống tổ chức các cấp.

- Có nhiều sáng kiến, giải pháp tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết đoàn viên, hội viên, nhân dân hiến kế, hiến công, hiến đất, đóng góp về vật chất như tiền của, vật tư, trang thiết bị..., tham gia xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

- Tăng cường hiệu quả công tác phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị và trong quá trình

xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng; giám sát việc xử lý hành vi gây lãng phí theo quy định của pháp luật.

1.3. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình

a) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng cá nhân, trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác.

b) Chủ động, tích cực tham gia, đóng góp kinh phí xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng đảm bảo hiệu quả.

c) Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, làm chủ công nghệ xây dựng và vận hành các công trình hạ tầng quy mô lớn.

1.4. Đối với cá nhân

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức: Gương mẫu thực hiện quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; có sáng kiến, giải pháp được cấp có thẩm quyền công nhận trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Đối với người dân:

+ Sử dụng tài nguyên thiên nhiên đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; tham gia giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát hiện và kịp thời phản ánh cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về các hành vi gây lãng phí.

+ Trực tiếp tham gia đóng góp, phối hợp, giúp đỡ, tuyên truyền vận động thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của quốc gia, tỉnh, huyện, xã về phát triển kết cấu hạ tầng.

- Đối tượng khác (*doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, kỹ sư, công nhân, cá nhân trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài...*) có sáng kiến, giải pháp hữu ích được cấp có thẩm quyền công nhận trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ hiện đại, thay đổi biện pháp thi công, sử dụng hợp lý các nguồn lực... phục vụ xây dựng và quản lý khai thác công trình hạ tầng.

2. Hình thức khen thưởng

2.1. Khen thưởng hàng năm

a) Giấy khen: Căn cứ vào thành tích cụ thể hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành xét khen thưởng theo thẩm quyền cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có những đóng góp tích cực trong thực hiện Phong trào thi đua tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố căn cứ vào thành tích đạt được của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình trong tổ chức, triển khai thực hiện Phong trào thi đua, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

2.2. Khen thưởng sơ kết giai đoạn 2022 - 2025, tổng kết

a) Hình thức khen thưởng

- Huân chương Lao động;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Giấy khen;

b) Tiêu chuẩn khen thưởng: Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố căn cứ vào chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, nhiệm vụ được giao chủ trì; căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích trong tổ chức, thực hiện Phong trào thi đua khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” triển khai thực hiện từ năm 2022 đến năm 2030, chia thành các giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (từ 2022 - 2025): Ban hành Kế hoạch, hướng dẫn tổ chức triển khai trong Quý I năm 2023. Tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2025 để triển khai giai đoạn tiếp theo.

2. Giai đoạn 2 (từ 2026 - 2030): Trên cơ sở sơ kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Giai đoạn I, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiếp tục triển khai Giai đoạn 2 của Phong trào thi đua; tổng kết vào năm 2030.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành căn cứ vào chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao:

1.1. Xây dựng kế hoạch, các tiêu chí thi đua cụ thể về xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng; hướng dẫn, triển khai, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đảm

bảo nội dung, chất lượng và tiến độ gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất 20 tháng 3 năm 2023 để theo dõi, tổng hợp. Trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực bố trí vốn đầu tư công, huy động nguồn lực tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Sở Giao thông vận tải chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực phát triển hạ tầng giao thông vận tải.

- Sở Công Thương chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực phát triển hạ tầng năng lượng, cung cấp điện, hạ tầng thương mại.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực phát triển hạ tầng số, hạ tầng bưu chính, nền tảng số quốc gia.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Sở Xây dựng chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Sở Tài chính chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực kiểm soát giải ngân vốn đầu tư công tại Kho bạc Nhà nước của các dự án xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng.

- Các sở: Y tế; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể phát triển hạ tầng xã hội thuộc lĩnh vực được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ.

- Sở Nội vụ chủ trì, triển khai nội dung phong trào thi đua, xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể trong lĩnh vực cải cách hành chính.

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh chủ động triển khai, hướng dẫn nội dung phong trào thi đua đến các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý và xây dựng tiêu chí thi đua cụ thể đối với doanh nghiệp hoạt động có liên quan đến xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng.

1.2. Xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, đơn vị, ngành mình quản lý; hướng dẫn, triển khai, tăng cường kiểm

tra, đơn đốc việc thực hiện đảm bảo nội dung, chất lượng và tiến độ. Xây dựng và ban hành định mức, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật, áp dụng chung. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và công khai việc xử lý vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Giao Sở Tài chính xây dựng kế hoạch, ban hành tiêu chí thi đua cụ thể về thực hành tiết kiệm chống lãng phí để thực hiện thống nhất trong tỉnh.

2. UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức phong trào thi đua trên địa bàn nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng, trong đó chú trọng xây dựng các nhiệm vụ, kế hoạch nhằm phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của địa phương, đẩy mạnh sự phối hợp của các cấp, các ngành trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ các loại quy hoạch địa phương với quy hoạch vùng góp phần phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ.

Xây dựng, hoàn thiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm và dài hạn, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp, tiêu chí đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm; tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương; thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng thẩm quyền và thực hiện công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

3. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng Phong trào thi đua; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc để triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phân công rõ trách nhiệm các thành viên trong quá trình chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc triển khai thực hiện Phong trào thi đua ở các lĩnh vực, địa bàn cụ thể; lấy kết quả triển khai tổ chức thực hiện Phong trào thi đua là tiêu chí, nội dung quan trọng khi đánh giá, bình xét thi đua cho các đơn vị cấp dưới.

Hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức các đoàn giám sát tình hình triển khai thực hiện Phong trào thi đua ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương (*Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh*).

5. Các doanh nghiệp đưa nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào điều lệ, quy chế, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng kế hoạch thực hiện phong trào thi đua xây dựng kết cấu hạ tầng; nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư, ưu tiên

các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, quản trị hiện đại, nhằm nâng cao hiệu suất, nâng cao năng lực của doanh nghiệp.

6. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu gương điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả trong thực hiện phong trào thi đua.

7. Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn khen thưởng sơ kết, tổng kết, đánh giá Phong trào thi đua.

8. Định kỳ hàng năm, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Phong trào thi đua về qua Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn, các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất gửi về Sở Nội vụ để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 335/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Bảo hiểm y tế ngày 28 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 102-NQ/CP ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 - 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Đảng bộ tỉnh lần thứ XV nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành trung ương Đảng;

Căn cứ Công văn số 801-CV/TU ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tại Tờ trình số 24/TTr-LĐTBXH ngày 21 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2023 cho các huyện, thành phố (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

1. Căn cứ chỉ tiêu phát triển từng loại đối tượng tham gia BHXH, BHYT, giao chỉ tiêu cho UBND các xã, phường, thị trấn gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, áp dụng đồng bộ các nhóm giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT để đạt các chỉ tiêu được giao; Quy định việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT là tiêu chí đánh giá, nhận xét, khen thưởng hàng năm của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện tỷ lệ bao phủ BHXH, BHYT tại địa phương; tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT cho người dân trên địa bàn, nhất là chính sách BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình; đổi mới, đa dạng hình thức tuyên truyền và phù hợp với từng địa bàn dân cư, các nhóm đối tượng tham gia BHXH, BHYT.

2. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn, ngoài địa bàn mua tặng thẻ BHYT cho người dân, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc các xã vùng I và xã đạt chuẩn Nông thôn mới trên địa bàn nhằm đảm bảo tỷ lệ bao phủ BHYT theo chỉ tiêu đã đề ra, hướng tới BHYT toàn dân, đảm bảo tính bền vững, ổn định, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Các huyện ủy, thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Sơn La; Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Phương.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục II

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHYT NĂM 2023

STT	Đơn vị	Dân số (người)	LĐ đi làm việc ngoại tỉnh có đóng BHYT năm 2022 (người)	Dân số năm 2022 có mặt tại tỉnh (người)	Số đối tượng đã tham gia BHYT năm 2022 (người)	Số đối tượng chưa tham gia BHYT năm 2023 (người)	Số đối tượng giao năm 2023 (người)	Số đối tượng tăng so với năm 2022 (người)	Tỷ lệ bao phủ BHYT (%)
A	B	1	2	3=1-2	4	6	7	8	9=7/3
1	Thành phố	110.992	5.868	105.124	104.425	699	104.774	349	99,67
2	Quỳnh Nhai	66.532	2.567	63.965	53.054	10.911	57.569	4.515	90,00
3	Thuận Châu	178.293	5.600	172.693	172.184	509	172.438	254	99,85
4	Mường La	104.374	6.062	98.312	94.883	3.429	95.911	1.028	97,56
5	Bắc Yên	68.722	2.725	65.997	65.753	244	65.753	0	99,83
6	Phù Yên	119.465	14.249	105.216	103.850	1.366	104.464	614	99,29
7	Mộc Châu	120.243	6.090	114.153	99.973	14.180	104.227	4.254	91,30
8	Yên Châu	82.868	2.063	80.805	78.388	2.417	79.113	725	97,91
9	Mai Sơn	170.163	5.918	164.245	141.549	22.696	147.821	6.272	90,00
10	Sông Mã	160.637	5.549	155.088	150.362	4.726	151.779	1.417	97,87
11	Sốp Cộp	53.075	1.203	51.872	51.772	100	51.772	0	99,81
12	Vân Hồ	64.761	2.186	62.575	61.964	611	62.269	305	99,51
	Tổng cộng	1.300.125	60.080	1.240.045	1.178.157	61.888	1.197.890	19.733	96,00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 363/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 3 năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 (sửa đổi, bổ sung ngày 22 tháng 11 năm 2013);

Căn cứ Kế hoạch số 52/KH-BCA-C07 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Bộ Công an về lập đề nghị xây dựng Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 63/TTr-CAT-PCCC ngày 07 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Văn phòng Bộ Công an;
- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Bộ Công an;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC, ĐH.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ

(Kèm theo Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện về tình hình triển khai thực hiện, kết quả đạt được và những khó khăn vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy (*viết tắt là PCCC*) và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Kịp thời nhận diện những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, khoảng trống (*nếu có*) nhằm đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật PCCC, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Xác định nội dung công việc, tiến độ thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thuộc sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc tổng kết và xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện Luật PCCC và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết phải được thực hiện đồng bộ trên toàn tỉnh, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

- Nội dung tổng kết phải bảo đảm đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện, bám sát đề cương hướng dẫn; chú trọng phân tích các tồn tại, hạn chế, vướng mắc của Luật PCCC, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật và đề xuất giải pháp cụ thể.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi

Tổng kết, đánh giá toàn diện quá trình thi hành Luật PCCC và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ trên phạm vi toàn tỉnh (*mốc thời gian từ năm 2013 đến ngày 28 tháng 02 năm 2023*).

2. Nội dung tổng kết

- Các sở, ban, ngành báo cáo tổng kết theo đề cương việc thực hiện Luật PCCC và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ (*hướng dẫn tại Phụ lục số 1 và Biểu mẫu kèm theo Kế hoạch này*).

- UBND các huyện, thành phố báo cáo tổng kết theo đề cương việc thực hiện Luật PCCC và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ (*hướng dẫn tại Phụ lục số 2 và Biểu mẫu kèm theo Kế hoạch này*).

3. Hình thức tổng kết

Xây dựng báo cáo tổng kết kết quả thi hành Luật PCCC và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Tổ chức tổng kết và xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện Luật PCCC và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ (*theo đề cương và các Phụ lục, Biểu mẫu*) về Công an tỉnh trước ngày 25/3/2023 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công an.

2. Công an tỉnh là cơ quan đầu mối, chủ trì giúp Chủ tịch UBND tỉnh

- Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện Luật PCCC và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ;

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết của UBND tỉnh gửi về Bộ Công an trước ngày 10/4/2023.

Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ Công an tỉnh (*Phòng CS PCCC&CNCH*) để được hướng dẫn./.

Phụ lục số 01**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO****Kết quả triển khai thực hiện Luật Phòng cháy, chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ**
(Dành cho các sở, ban, ngành)

Nội dung triển khai thực hiện Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (sau đây gọi tắt là Luật PCCC) và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực CNCH đã được đánh giá trong báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCCC năm 2011. Do vậy trong báo cáo tổng kết này cần tập trung đánh giá rõ kết thực hiện Luật PCCC 10 năm gần đây từ năm 2013 đến năm 2022. Báo cáo cần đánh giá rõ kết quả những việc đã làm được và chưa làm được theo các nội dung sau:

1. Đặc điểm tình hình

Phân tích, đánh giá và tổng kết tình hình thực hiện; kết quả đạt được; bất cập, hạn chế và phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp khắc phục trong tổ chức thực hiện Luật Phòng cháy, chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy (sau đây gọi tắt là Luật Phòng cháy, chữa cháy) và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ, trong đó chú trọng các nội dung chủ yếu sau đây:

- Đánh giá đặc điểm tình hình đối với ngành, lĩnh vực theo chức năng chỉ đạo, quản lý, theo dõi của sở, ban, ngành có liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH);
- Công tác ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách thực hiện Luật PCCC trong các cơ quan tổ chức mình đã thực hiện (đề nghị có danh sách số lượng và ghi rõ tên, số văn bản);
- Tình hình phổ biến, triển khai thi hành Luật PCCC và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCCC;
- Công tác tham mưu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCCC (Nghị định của Chính phủ, Thông tư,...);
- Công tác ban hành, công nhận tiêu chuẩn, quy chuẩn trong PCCC và CNCH (đề nghị có danh sách số lượng và ghi rõ tên, số văn bản);
- Những yêu cầu đặt ra trong công tác PCCC và CNCH đối với các sở, ban, ngành;
- Đánh giá vai trò, trách nhiệm cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện;
- Tình hình cháy, nổ liên quan đến các sở, ban, ngành (số liệu từ năm 2013 đến năm 2022);

2. Kết quả triển khai thực hiện Luật PCCC

2.1. Đánh giá về những quy định chung trong Luật

Phân tích, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các quy định chung tại Chương I, Luật PCCC, trong đó chú ý một số vấn đề sau:

- Phạm vi điều chỉnh của Luật;
- Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động PCCC;
- Các vấn đề liên quan khác.

2.2. Đánh giá về những quy định về phòng cháy, chữa cháy

Phân tích, đánh giá về tình hình thực hiện; kết quả đạt được các quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV, Chương VI và Chương VII Luật PCCC về phòng cháy; các khoản tại Điều 63a Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC trong đó chú ý một số vấn đề sau:

Hiện trạng quy định, triển khai hướng dẫn chi tiết về công tác phòng cháy, cụ thể: các biện pháp trong phòng cháy; thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về PCCC; phòng cháy đối với khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao; nhà ở và khu dân cư; phương tiện giao thông cơ giới; rừng; khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng, bảo quản sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ và vật tư, hàng hoá khác có nguy hiểm về cháy, nổ; công trình cao tầng, công trình trên mặt nước, công trình ngầm, đường hầm, hầm lò khai thác khoáng sản, nhà khung thép mái tôn; cơ sở sản xuất, cung ứng, sử dụng điện và thiết bị, dụng cụ điện; cơ sở hạt nhân; chợ, trung tâm thương mại, kho tàng; cảng hàng không, bến xe; cơ sở sản xuất, khu vũ khí, vật liệu nổ và công vụ hỗ trợ; bệnh viện, trường học, khách sạn, nhà nghỉ, vũ trường, rạp hát, rạp chiếu phim và những nơi đông người khác; trụ sở làm việc, thư viện, bảo tàng, kho lưu trữ và các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

- Sự tương thích giữa quy định của Luật PCCC và quy định chuyên ngành về PCCC và CNCH.

- Hiện trạng quy định, tổ chức, hoạt động, trang bị và quản lý, sử dụng phương tiện chữa cháy, CNCH cho lực lượng PCCC cơ sở, PCCC chuyên ngành theo quy định.

- Các vấn đề liên quan khác.

2.3. Đánh giá về công tác quản lý nhà nước về PCCC

Phân tích, đánh giá về tình hình thực hiện; kết quả đạt được đối với các quy định tại Chương VII Luật PCCC về phòng cháy, trong đó chú ý một số vấn đề sau:

- Hiện trạng quy định, triển khai hướng dẫn chi tiết về nội dung quản lý nhà nước về PCCC.

- Các vấn đề liên quan khác.

3. Hạn chế, thiếu sót, khó khăn, bất cập và nguyên nhân

3.1. Hạn chế, thiếu sót và khó khăn, bất cập

Trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được, cần đánh giá cụ thể những mặt hạn chế, thiếu sót và khó khăn, bất cập trong quá triển khai thực hiện Luật PCCC và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực CNCH cụ thể theo nhóm các nội dung đề cập tại mục 2 Đề cương báo cáo.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

4. Nhận xét, đánh giá và những bài học kinh nghiệm

4.1. Nhận xét, đánh giá chung

4.2. Những bài học kinh nghiệm

5. Đề xuất, kiến nghị

Trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được, nhất là những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, đề xuất các kiến nghị, tập trung vào một số nội dung trọng tâm, cụ thể như sau:

5.1. Đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung xây dựng Luật điều chỉnh về PCCC và CNCH

Phần này đề nghị tổng hợp, đề xuất các nội dung cần sửa đổi bổ sung trong Luật PCCC và CNCH theo các nhóm vấn đề sau:

- Những quy định chung
- Quy định về phòng cháy
- Quy định về chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ
- Quy định về lực lượng PCCC và CNCH
- Quy định về phương tiện PCCC và CNCH
- Quy định về đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH
- Quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực PCCC và CNCH
- Quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm
- Các vấn đề liên quan khác

5.2. Tổng hợp đề xuất, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành Luật PCCC và CNCH

Phần này đề nghị tổng hợp, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Luật PCCC và CNCH theo các nhóm vấn đề sau:

- Các giải pháp hoàn thiện thể chế: Hoàn thiện Luật PCCC và CNCH, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật có liên quan (nếu có). Đánh giá sơ bộ tác động của các nhóm giải pháp được đề xuất (*tập trung vào tác động về mặt chi phí tuân thủ, tổ chức thực hiện; về tổ chức bộ máy hoặc những tác động đối với doanh nghiệp - nếu có...*).

- Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về PCCC và CNCH.

- Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động PCCC và CNCH.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện khác.

5.3. Đề xuất, kiến nghị khác./.

Phụ lục số 02**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

Kết quả triển khai thực hiện Luật Phòng cháy, chữa cháy, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực cứu nạn, cứu hộ
(Dành cho các UBND các huyện, thành phố)

Phần I**KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH****I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

- Nêu rõ số đơn vị hành chính hiện nay: số đơn vị hành chính (*cấp huyện, cấp xã*); diện tích; dân số; số lượng đô thị (đô thị loại I, II...).

- Chỉ tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế năm; sự phát triển các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, quá trình đô thị hóa tại địa phương liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC).

- Tình hình phát triển kinh tế xã hội trong 10 năm qua (*từ năm 2013 đến năm 2022*) trên từng lĩnh vực như: đầu tư xây dựng cơ bản? số dự án đầu tư nguồn vốn trong nước và vốn nước ngoài? số lượng, tổng diện tích các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp...? số lượng nhà cao tầng? số lượng chợ, trung tâm thương mại và các cơ sở khác có nguy hiểm về cháy, nổ...

II. TÌNH HÌNH CHÁY, NỔ, SỰ CỐ TAI NẠN

Nhận xét, đánh giá về tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố trong 10 năm qua (*từ năm 2013 đến ngày 28 tháng 02 năm 2023*):

1. Tình hình cháy, nổ**a) Tình hình cháy**

Thông kê tổng số vụ cháy thuộc diện phải thống kê; thiệt hại do cháy gây ra (*số người chết, số người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính thành tiền và số hecta rừng*). So sánh tăng/giảm với 10 năm trước (*về số vụ, thiệt hại về người và tài sản*).

- Phân tích tình hình cháy:

+ Nguyên nhân

+ Địa bàn (*thành thị, nông thôn, có phân chia theo tỷ lệ*)

+ Thành phần kinh tế (*nhà nước, tư nhân, liên doanh...*)

+ Loại hình cơ sở (*phân loại số vụ cháy nhà dân, số vụ cháy nhà ở kết hợp*

sản xuất kinh doanh, số vụ cơ sở thuộc diện quản lý nhà nước về PCCC, số vụ cháy phương tiện giao thông, số vụ cháy rừng).

- Tổng số vụ sự cố liên quan tới cháy *(gây thiệt hại không đáng kể hoặc tự tắt không phải cứu chữa, sự cố chạm chấp thiết bị điện trên cột điện, trong nhà dân và cháy cỏ, rác...)*

b) Tình hình nổ

- Tổng số vụ và thiệt hại do nổ gây ra; so sánh với 10 năm trước.

- Nguyên nhân

c) Đánh giá tình hình cháy lớn, cháy gây thiệt hại nghiêm trọng

- Số vụ, tỷ lệ số vụ trên tổng số vụ cháy, tổng số thiệt hại của các vụ, tỷ lệ thiệt hại so với tổng thiệt hại của các vụ cháy.

- Tóm tắt diễn biến, nguyên nhân, thiệt hại các vụ cháy lớn, cháy gây thiệt hại nghiêm trọng trên địa bàn quản lý *(có thể đưa vào phụ lục)*

- Phân tích *(đối tượng cơ sở xảy cháy; diện tích cháy trung bình một vụ cháy; thời điểm xảy ra cháy, nguyên nhân cháy...)*.

2. Tình hình sự cố, tai nạn

- Số vụ sự cố, tai nạn *(thống kê các vụ cứu nạn, cứu hộ theo các tình huống cơ bản quy định tại khoản 1, Điều 5, Nghị định 83);*

- Thiệt hại: về người (chết, bị thương); về tài sản; thiệt hại khác.

- Tổ chức cứu nạn, cứu hộ (CNCH) đối với các vụ sự cố, tai nạn

+ Số lượng và đánh giá kết quả các lực lượng tham gia cứu nạn, cứu hộ *(Cảnh sát PCCC và CNCH, dân phòng, chuyên ngành, cơ sở và các lực lượng khác);*

+ Tổng số phương tiện, thiết bị tham gia cứu nạn, cứu hộ *(của lực lượng Công an, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động);*

+ Tổng số người cứu được, số người được hướng dẫn thoát nạn; số nạn nhân tìm được; tài sản cứu được (tính thành tiền);

+ Phân tích tình hình vụ CNCH *(thời gian, địa điểm, quy mô, nguyên nhân...)*.

3. Nhận xét, đánh giá tổng quát những vấn đề nổi lên về tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố 10 năm qua.

Phần II

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY, LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TRONG LĨNH VỰC CỨU NẠN, CỨU HỘ

Nội dung triển khai thực hiện Luật PCCC, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (sau đây gọi tắt là Luật PCCC) và kết quả thực hiện quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực CNCH đã được đánh giá trong báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCCC năm 2011. Do vậy, trong báo cáo tổng kết này cần tập trung đánh giá rõ kết thực hiện Luật PCCC 10 năm gần đây từ năm 2013 đến năm 2022. Báo cáo cần đánh giá rõ kết quả những việc đã làm được và chưa làm được theo các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT, HƯỚNG DẪN THI HÀNH VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH TRONG LĨNH VỰC CỨU NẠN, CỨU HỘ

- Số lượng văn bản (Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch, Quy định...) chỉ đạo triển khai thực hiện Luật PCCC và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực CNCH được ban hành (*thống kê cụ thể văn bản ban hành, văn bản sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật PCCC và các văn bản hướng dẫn kèm theo*); văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc UBND các cấp, các đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện (*thống kê số lượng văn bản, kế hoạch do UBND cấp huyện, cấp xã ban hành để chỉ đạo về công tác PCCC và CNCH*).

- Việc ban hành các quy định, nội quy về PCCC, các văn bản chỉ đạo về công tác PCCC và CNCH; tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả thực hiện văn bản đó.

- Công tác chỉ đạo, ban hành các văn bản, quy định về công tác PCCC và CNCH trên địa bàn quản lý.

- Đánh giá vai trò, trách nhiệm lãnh đạo UBND các huyện, thành phố trong chỉ đạo thực hiện; vai trò, trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc tham mưu cấp ủy chính quyền địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

- Công tác chỉ đạo hiệp đồng giữa Công an với UBND các huyện, thành phố trong tổ chức triển khai thực hiện công tác PCCC (*số lượng quy chế phối hợp đã ký kết giữa Công an tỉnh với các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Công an*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

1. Công tác tuyên truyền và xây dựng phong trào toàn dân PCCC

a) Công tác tuyên truyền PCCC

- Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về PCCC và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực CNCH.

- Đánh giá trách nhiệm tuyên truyền của các cơ quan thông tin đại chúng. Số lượng các tin bài đăng trên báo, tạp trí, phát sóng trên các phương tiện thông tin, các buổi họp báo, tổ chức tập huấn, huấn luyện và nói chuyện về PCCC và CNCH; đánh giá sự phối hợp giữa cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH với các cơ quan

thông tin tuyên truyền ở địa phương. Đánh giá việc áp dụng chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền về PCCC và CNCH.

- Đánh giá các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật và kiến thức về phòng cháy và chữa cháy cho mọi người trong phạm vi quản lý của mình.

b) Công tác xây dựng phong trào toàn dân PCCC

- Việc đánh giá công nhận điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân PCCC.

- Việc xây dựng và hướng dẫn thực hiện các mô hình tự quản, mô hình liên gia, liên cơ quan, liên khu vực trong bảo đảm an toàn PCCC:

+ Thống kê số liệu mô hình được xây dựng, tên của các mô hình.

+ Đánh giá tính hiệu quả của các mô hình.

- Việc vận động, khuyến khích người dân tình nguyện tham gia công tác PCCC và CNCH (*báo cáo về lực lượng PCCC tình nguyện*).

- Số lượng cá nhân, tập thể được biểu dương, khen thưởng có thành tích xuất sắc trong công tác PCCC và CNCH.

2. Công tác phòng cháy

a) Công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC

Công tác quản lý PCCC trong đầu tư xây dựng: vấn đề quy hoạch xây dựng về PCCC; trách nhiệm của các cơ quan quản lý về xây dựng; việc thực hiện quy định của Luật PCCC trong đầu tư xây dựng của chủ đầu tư, cơ quan tư vấn thiết kế và Ban quản lý các công trình xây dựng.

b) Việc xây dựng phương án, giải pháp xử lý dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm pháp luật về PCCC; tình trạng cơ sở, công trình đưa vào sử dụng khi chưa được nghiệm thu về PCCC:

+ Tổng số công trình đưa vào sử dụng nhưng chưa được nghiệm thu về PCCC.

+ Số công trình đã khắc phục.

+ Tổng số công trình đã đăng tải thông tin.

+ Số công trình đã xử phạt vi phạm hành chính.

+ Số công trình đã tạm đình chỉ hoạt động.

+ Số công trình đã đình chỉ hoạt động.

Đánh giá tình hình số công trình phát sinh hàng năm, tỷ lệ khắc phục các công trình vi phạm; số lượng công trình được phục hồi hoạt động trên tổng số công trình bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động.

d) Công tác kiểm tra, tự kiểm tra về PCCC; điều tra, xử lý các vụ cháy, nổ và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC

- Số lượng cuộc thanh tra, số lượng cuộc kiểm tra liên ngành, số lượng cuộc kiểm tra do lãnh đạo UBND các cấp chủ trì tổ chức; số lượt kiểm tra cơ sở được kiểm tra và phát hiện kiến nghị được bao nhiêu thiếu sót, vi phạm về PCCC; đã lập được bao nhiêu biên bản vi phạm, xử lý hành chính và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những trường hợp vi phạm về PCCC và CNCH.

- Đánh giá người đứng đầu của cơ sở¹, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình, cá nhân trong việc thực hiện Luật PCCC và các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC và CNCH, trực tiếp kiểm tra được bao nhiêu lượt? đã phát hiện, chấn chỉnh những vấn đề gì về công tác PCCC;

- Kết quả việc thực hiện mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (*có số liệu cụ thể về số cơ sở thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; số cơ sở đã mua theo quy định; số cơ sở mua chưa đúng theo quy định; số cơ sở chưa mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc*); việc xử lý, xử phạt các đơn vị chưa mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH; tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Công tác điều tra nguyên nhân vụ cháy (*số vụ đã điều tra làm rõ nguyên nhân; số vụ đang điều tra; số vụ không điều tra giải quyết; số vụ do cơ quan Cảnh sát PCCC chủ trì; số vụ do cơ quan điều tra chủ trì*).

3. Công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

- Đánh giá thực trạng giao thông, nguồn nước, trụ nước, bến lấy nước, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCCC và CNCH (*có số liệu cụ thể*).

- Việc xử lý thông tin báo cháy, chữa cháy và CNCH

+ Số tin báo cháy, sự cố, tai nạn nhận được.

+ Số vụ cháy, sự cố, tai nạn lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trực tiếp tổ chức chữa cháy, CNCH.

+ Số vụ cháy, sự cố, tai nạn do người dân tự dập tắt, CNCH.

+ Số vụ cháy, sự cố, tai nạn do lực lượng PCCC cơ sở tự dập tắt, CNCH.

+ Số lượt phương tiện, số CBCS được điều động, huy động tham gia chữa cháy, CNCH (*phương tiện, lực lượng trong và ngoài ngành lực lượng Công an nhân dân*).

¹ Cụ thể: khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao; nhà ở và khu dân cư; phương tiện giao thông cơ giới; rừng; khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng, bảo quản sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ và vật tư, hàng hoá khác có nguy hiểm về cháy, nổ; công trình cao tầng, công trình trên mặt nước, công trình ngầm, đường hầm, hầm lò khai thác khoáng sản, nhà khung thép mái tôn; cơ sở sản xuất, cung ứng, sử dụng điện và thiết bị, dụng cụ điện; cơ sở hạt nhân; chợ, trung tâm thương mại, kho tàng; cảng hàng không, bến xe; cơ sở sản xuất, khu vũ khí, vật liệu nổ và công vụ hỗ trợ; bệnh viện, trường học, khách sạn, nhà nghỉ, vũ trường, rạp hát, rạp chiếu phim và những nơi đông người khác; trụ sở làm việc, thư viện, bảo tàng, kho lưu trữ và các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

- Việc khắc phục hậu quả vụ cháy.
- Việc xây dựng phương án và thực tập phương án chữa cháy, CNCH. Đánh giá công tác xây dựng phương án và thực tập phương án chữa cháy, CNCH.
- Việc xây dựng và triển khai các kế hoạch bảo đảm an toàn cháy, nổ bảo vệ tuyệt đối an toàn các hoạt động, sự kiện văn hóa, chính trị lớn của đất nước diễn ra trên địa bàn quản lý.
- Công tác cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ CNCH.
- Công tác bảo vệ hiện trường, lập hồ sơ vụ cháy; công tác rút kinh nghiệm các vụ chữa cháy, CNCH;
- Kiểm điểm thực hiện trách nhiệm của những người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác PCCC: căn cứ vào trách nhiệm của từng chức danh nêu trong Luật PCCC để phân tích đánh giá.

4. Công tác phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Đánh giá thực trạng trang bị, quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH (*số lượng phương tiện, thiết bị, chất lượng, tình trạng hoạt động...*) của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở, lực lượng PCCC chuyên ngành.

5. Công tác đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy

- Việc đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH: trong 10 năm qua đã đầu tư bao nhiêu kinh phí cho hoạt động PCCC và mua sắm, trang bị phương tiện chữa cháy, CNCH cho công tác PCCC nói chung và cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH nói riêng; đánh giá hiệu quả đầu tư và thực trạng phương tiện chữa cháy, CNCH ở địa phương.

- Việc triển khai thực hiện Điều 52 Nghị định số 136/NĐ-CP và văn bản số 7077/BCT-VI ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đóng trên địa bàn từ nguồn ngân sách địa phương (*thống kê cụ thể ngân sách đã đầu tư cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH từ nguồn kinh phí địa phương năm 2021 và 2022*).

- Việc xây dựng, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án khác để nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH (*hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, mua sắm, trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, đổi mới, hiện đại hóa phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cơ sở vật chất kỹ thuật cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH...*).

- Đánh giá việc quy hoạch hạ tầng PCCC, trong đó đánh giá việc xây dựng quy hoạch hạ tầng về PCCC giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2050 trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị (*tiến độ việc thực hiện*).

6. Công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy của UBND các huyện trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

7. Công tác xây dựng lực lượng phòng cháy và chữa cháy

- Xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH
- Xây dựng lực lượng dân phòng
- Xây dựng lực lượng PCCC cơ sở
- Xây dựng lực lượng PCCC chuyên ngành
- Lực lượng PCCC tình nguyện

Việc thành lập lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở và lực lượng PCCC chuyên ngành trên địa bàn huyện, thành phố (*số lượng của các đội*). Đánh giá việc huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho các đối tượng này (*có số liệu cụ thể*); việc thực hiện các nhiệm vụ được Luật PCCC giao.

8. Một số nội dung khác về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- a) Công tác nghiên cứu Khoa học - Công nghệ PCCC và CNCH
- b) Công tác cải cách hành chính PCCC và CNCH
- c) Công tác xã hội hoá PCCC và CNCH

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, THIẾU SÓT, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, thiếu sót và khó khăn, bất cập

Trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được, cần đánh giá cụ thể những mặt hạn chế, thiếu sót và khó khăn, bất cập trong quá triển khai thực hiện Luật PCCC và quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực CNCH cụ thể theo nhóm các nội dung đề cập tại mục II Đề cương báo cáo.

2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nhận xét, đánh giá chung

2. Những bài học kinh nghiệm

Phần III

ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được, nhất là những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, đề xuất các kiến nghị, tập trung vào một số nội dung trọng tâm, cụ thể như sau:

I. ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG XÂY DỰNG LUẬT ĐIỀU CHỈNH VỀ PCCC VÀ CNCH

Phần này đề nghị tổng hợp, đề xuất các nội dung cần sửa đổi bổ sung trong Luật PCCC và CNCH theo các nhóm vấn đề sau:

- Những quy định chung
- Quy định về phòng cháy
- Quy định về chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ
- Quy định về lực lượng PCCC và CNCH
- Quy định về phương tiện PCCC và CNCH
- Quy định về đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH
- Quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực PCCC và CNCH
- Quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm
- Các vấn đề liên quan khác

II. TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH LUẬT PCCC VÀ CNCH

Phần này đề nghị tổng hợp, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Luật PCCC và CNCH theo các nhóm vấn đề sau:

- Các giải pháp hoàn thiện thể chế: Hoàn thiện Luật PCCC và CNCH, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật có liên quan (nếu có). Đánh giá sơ bộ tác động của các nhóm giải pháp được đề xuất (*tập trung vào tác động về mặt chi phí tuân thủ, tổ chức thực hiện; về tổ chức bộ máy và thủ tục hành chính hoặc những tác động đối với doanh nghiệp - nếu có...*).

- Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về PCCC và CNCH.

- Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động PCCC và CNCH.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện khác.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ KHÁC./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 06/CT-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2023

CHỈ THỊ
Về thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng, năm bản lề trong thực hiện các mục tiêu của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Trong bối cảnh tình hình thế giới vẫn có nhiều rủi ro, thách thức; tình hình trong nước còn những khó khăn và tồn đọng kéo dài. Nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công năm 2023 và cả giai đoạn 2021 - 2025, việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ, giải pháp rất quan trọng, cần ưu tiên tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện; đặc biệt là trong năm 2023, phải giải ngân số vốn lớn hơn các năm trước (*bao gồm Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, vốn kéo dài của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia*).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 124/TTr-SKHĐT ngày 17 tháng 3 năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các chủ đầu tư tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện giải ngân vốn đầu tư công. Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của các sở, ban ngành, địa phương và các chủ đầu tư trong giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

Giao nhiệm vụ phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện cho từng dự án ngay từ đầu năm, nhất là các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án có tính chất kết nối, tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Thực hiện cơ chế phân công, phối hợp rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, địa phương và các chủ đầu tư tập trung quán triệt, thực hiện nghiêm các quan điểm, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; trong đó, xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là một trong những **nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2023**, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Đẩy mạnh giải ngân

vốn đầu tư công phải đi đôi với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. nỗ lực, quyết tâm hành động cao nhất để hoàn thành các mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 đã đề ra; khắc phục được những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện và giải ngân; phát huy dân chủ, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ hơn, có giải pháp phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công việc.

Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương cần trực tiếp chỉ đạo kiểm tra, rà soát từng dự án cụ thể; kiểm soát chặt chẽ sự cần thiết, quy mô từng dự án theo đúng quy hoạch, mục tiêu đã được duyệt, bảo đảm hiệu quả đầu tư và kết quả đầu ra của từng dự án; nâng cao chất lượng công tác lựa chọn tư vấn, nhà thầu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án. Chủ động chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xử lý những vướng mắc hoặc đề xuất kịp thời cấp có thẩm quyền để tháo gỡ kịp thời.

Tiếp tục xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan; đồng thời, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023: ***“Tỷ lệ giải ngân của các cơ quan, đơn vị đến hết niên độ ngân sách năm 2023 không đạt tối thiểu 90% kế hoạch được giao là một trong các tiêu chí để xem xét đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ và việc không hoàn thành nhiệm vụ 02 năm liên tiếp là một trong các trường hợp để xem xét miễn nhiệm cán bộ theo quy định tại Quyết định số 41-QĐ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2021 của BCH trung ương”***.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2023

Mục tiêu phấn đấu giải ngân đạt 100% tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2023. Trong đó, đến hết quý III năm 2023 đạt trên 60%; đến hết quý IV năm 2023 đạt trên 90% (riêng kế hoạch vốn năm 2022 được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2023 đạt 100%) và đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2024 giải ngân 100% vốn đầu tư công kế hoạch vốn năm 2023.

2. Công tác chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công năm 2023

Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công và quyết toán dự án hoàn thành công trình sử dụng vốn nhà nước năm 2023, trực tiếp làm việc với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư để kiểm tra đôn đốc, đánh giá kết quả giải ngân vốn đầu tư công và quyết toán dự án hoàn thành công trình sử dụng vốn nhà nước năm 2023, nhất là các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm; giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác giải ngân vốn đầu tư công.

Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc tiến độ giải ngân các dự án đầu tư công theo lĩnh vực được phân công; kịp thời tháo gỡ, giải quyết vướng mắc trong đầu tư công, nhất là công tác giải phóng mặt bằng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tổ chức thực hiện đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023

a) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cần quyết liệt trong chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; chủ động rà soát và báo cáo các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện:

Đối với các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023 và dự án chuyển tiếp: tập trung tối đa nguồn lực, đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tổ chức nghiệm thu, thanh toán và giải ngân vốn đầu tư công ngay khi có khối lượng; khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan tài chính thẩm tra, trình phê duyệt theo thẩm quyền.

Đối với các dự án khởi công mới: đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn và thi công, đảm bảo dự án được triển khai đúng tiến độ.

Đối với các dự án ODA: khẩn trương thực hiện các thủ tục đầu tư với Nhà tài trợ; nhanh chóng hoàn thành các thủ tục điều chỉnh, bổ sung dự án; rà soát lại nhu cầu kế hoạch vốn nước ngoài năm 2023 để đề xuất điều chuyển kế hoạch vốn (nếu có); đẩy nhanh tiến độ giải ngân theo đúng thời gian quy định và theo cam kết với nhà tài trợ.

Các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư và các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện thủ tục đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế - dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng; tổng hợp báo cáo những khó khăn, vướng mắc để các cấp có thẩm quyền kịp thời tháo gỡ.

b) Rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

Căn cứ tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 của các dự án, kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn năm 2023. Cụ thể như sau:

- Trong quá trình triển khai thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh thường xuyên rà soát, chủ động tham mưu UBND tỉnh điều chuyển (*cắt giảm, bổ sung*) kế hoạch vốn năm 2023 (*ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, vốn nước ngoài*) của các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp, các dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao trong năm 2023 sang các dự án có khả năng giải ngân cao, có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Việc điều chuyển kế hoạch vốn năm 2023 giữa các dự án thực hiện các đợt điều chỉnh chính theo theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh. Cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Rà soát, thu hồi, điều chuyển vốn của dự án chuyển tiếp đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 có kết quả giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn.

+ Đợt 2: Rà soát tiến độ đối với các dự án được giao kế hoạch năm 2023 thu hồi, điều chuyển vốn của các dự án đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 có kết quả giải ngân dưới 60% kế hoạch vốn.

+ Đợt 3: Rà soát điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án không còn khả năng giải ngân thanh toán, thời gian trước ngày 15 tháng 11 năm 2023.

Ngoài các đợt điều chỉnh trên, trong năm, tùy thuộc tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân thanh toán các nguồn vốn được giao sẽ thực hiện các đợt điều chỉnh khi thấy cần thiết để đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

- Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2024, các ngành, địa phương không giải ngân hết kế hoạch đầu tư công 2023 được giao và các chương trình, dự án không thuộc trường hợp được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định việc cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương tương ứng với số vốn không giải ngân hết, không được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân và bị hủy dự toán theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư cung cấp kịp thời, chính xác và chịu trách nhiệm về số liệu giải ngân của các dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để làm căn cứ rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn.

- Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và các chủ đầu tư chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chuyển kế hoạch vốn năm 2023 của các dự án giải ngân thấp sang các dự án khác có tỷ lệ giải ngân cao và có nhu cầu bổ sung vốn; Đồng thời, xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết theo từng tháng đối với từng dự án, công trình, hạng mục công trình do đơn vị, địa phương làm chủ đầu tư để tăng cường đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

c) Đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 được phép kéo dài sang năm 2023

Căn cứ văn bản cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai dự án đúng tiến độ đảm bảo hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn trong thời hạn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân. Người đứng đầu đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh

trong trường hợp dự án không giải ngân hết, bị hủy dự toán kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài đã được cấp thẩm quyền cho phép. Các chủ đầu tư, UBND cấp huyện tự cân đối nguồn vốn để bố trí cho các dự án đã được giao ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh nhưng không giải ngân hết nguồn vốn này.

d) Tập trung thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ thanh toán

- Sở Tài chính thực hiện kiểm tra nội dung phân bổ vốn đầu tư và kịp thời nhập dự toán chi đầu tư phát triển (*bao gồm phần điều chỉnh, bổ sung trong năm*) trên hệ thống Tabmis; thực hiện thẩm tra, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các bộ phận chuyên môn kịp thời cập nhật dự toán chi đầu tư phát triển (*bao gồm phần điều chỉnh, bổ sung trong năm*) trên hệ thống Tabmis theo quy định. Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư khi có khối lượng hoàn thành; lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành ngay sau khi công trình đưa vào khai thác sử dụng; tăng cường xử lý nợ xây dựng cơ bản ở tất cả các cấp ngân sách.

- Kho bạc Nhà nước tỉnh: Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ trực thuộc và Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện thanh toán vốn đầu tư công theo đúng quy định hiện hành; giải quyết thanh toán ngay cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, không để dồn vào các tháng cuối năm; phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi; kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo, xử lý.

- Chủ đầu tư các dự án

+ Tuân thủ đúng quy định về hồ sơ thanh toán, tạm ứng, thu hồi tạm ứng tại các Điều 9, 10, 11, 12 và 14 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

+ Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ tạm ứng, thanh toán; trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu, làm thủ tục thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước, không dồn khối lượng thanh toán vào cuối năm.

+ Rà soát các khoản tạm ứng vốn đầu tư quá hạn để có biện pháp xử lý thu hồi dứt điểm, tránh tình trạng nợ tạm ứng quá lâu, không đúng hợp đồng đã ký kết, không có khối lượng, quy trách nhiệm bồi hoàn nếu vi phạm hợp đồng. Chủ động phối hợp và gửi danh sách nhà thầu có số dư tạm ứng quá hạn sang Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, nếu nhà thầu có khối lượng thanh toán của các công trình khác thì đề xuất UBND cùng cấp cản trừ thu hồi vốn kịp thời.

đ) Chủ động tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2023

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh tổng hợp, trực tiếp tham mưu cho Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân

vốn đầu tư công và quyết toán dự án hoàn thành công trình sử dụng vốn nhà nước năm 2023 các nội dung liên quan đến tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải ngân vốn đầu tư công và quyết toán dự án hoàn thành của các đơn vị và địa phương.

- Sở Tài chính phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham gia ý kiến kịp thời trong quản lý vốn đầu tư công năm 2023 (*phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn*) theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Các sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành tỉnh (Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế - dự toán công trình cấp tỉnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng, chất lượng công trình theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế dự toán công trình cho cấp huyện và các Ban Quản lý chuyên ngành. Trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền trong công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, thủ tục về môi trường đối với các dự án đầu tư công theo đúng quy định. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh giải quyết kịp thời các trường hợp vượt thẩm quyền.

- UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục đầu tư (thẩm định, phê duyệt) của dự án theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh; phối hợp chặt chẽ các chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư công trên địa bàn.

e) Đẩy mạnh chế độ báo cáo, giám sát tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công 2023

- Các ngành, UBND các huyện, thành phố, chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài (nếu có) theo đúng phụ biểu quy định bằng văn bản và trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công định kỳ hằng tháng, hằng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Đối với các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp, phải nêu rõ nguyên nhân, đề xuất hướng xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; trường hợp không đảm bảo tiến độ giải ngân phải kịp thời đề xuất điều chuyển kế hoạch vốn cho các dự án khác có nhu cầu.

Để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, thời gian các đơn vị, địa phương và các chủ đầu tư gửi báo cáo gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, như sau:

+ Trước ngày 05 hằng tháng, báo cáo kết quả tình hình giải ngân tháng trước và ước tình hình giải ngân cả tháng báo cáo.

+ Trước ngày 05 tháng đầu các quý, báo cáo chi tiết kết quả giải ngân quý trước.

+ Trước ngày 15 tháng 02 năm 2024, báo cáo chi tiết số thực tế giải ngân của các dự án đến ngày 31 tháng 01 năm 2024 của kế hoạch vốn năm 2023 và số vốn của dự án đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang 2024 (*các dự án thuộc các trường hợp quy định tại Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ*).

Thông tin, số liệu báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 phải thống nhất với thông tin, số liệu cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

- Các ngành, UBND các huyện, thành phố, chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện thực hiện nghiêm chế độ báo cáo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

g) Gắn công tác giải ngân với công tác thi đua khen thưởng và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu

- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư định kỳ 01 tháng/01 lần tổng hợp kết quả giải ngân, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, công khai số liệu về tỷ lệ giải ngân tổng vốn đầu tư công năm 2023 của từng sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư định kỳ 01 tháng/01 lần trên Cổng Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện của các đơn vị, địa phương, theo dõi, tổng hợp các tồn tại, vướng mắc, báo cáo tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Tổng hợp kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 gửi Sở Nội vụ làm căn cứ đánh giá cán bộ, tập thể, bình xét thi đua khen thưởng.

- Sở Nội vụ căn cứ kết quả giải ngân của các đơn vị, địa phương, chủ đầu tư để xem xét trong việc đánh giá, không đề xuất xem xét hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xem xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân hằng năm và đột xuất đối với các tập thể, cá nhân có tiến độ giải ngân thấp; trong đó, lưu ý kết quả giải ngân dự án đầu tư công là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 của tổ chức, cá nhân được phân công theo dõi. Đồng thời tham mưu xem xét miễn nhiệm cán bộ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022.

4. Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 nêu trên, yêu cầu cơ quan Thường trực tổng hợp chung các CTMTQG, các cơ quan Thường trực từng CTMTQG, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cần quyết liệt, tập trung tối đa việc thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG)

- Các cơ quan Thường trực Chương trình MTQG: khẩn trương cập nhật, hoàn thành việc ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền được giao đối với việc thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương, chủ đầu tư về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn Chương trình MTQG được giao, đặc biệt là kế hoạch vốn năm 2022 được phép kéo dài sang năm 2023.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

Khẩn trương hoàn thành công tác chuyển nguồn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 theo quy định, đảm bảo đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 giải ngân 100% kế hoạch vốn 2022 kéo dài sang năm 2023; trường hợp đơn vị, địa phương không giải ngân hết, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và sẽ giảm bố trí vốn kế hoạch năm sau.

Khẩn trương hoàn thành giao kế hoạch vốn năm 2023 chi tiết đến dự án, kịp thời rà soát điều chuyển kế hoạch vốn các dự án có tiến độ giải ngân chậm sang dự án cáo tiến độ thực hiện tốt. Các sở, ngành và địa phương, đến ngày 01 tháng 10 năm 2023 nếu xét thấy không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2023 được giao, có văn bản đề xuất cấp có thẩm quyền điều chuyển cho các sở, ngành, địa phương khác có nhu cầu bổ sung và giải ngân kế hoạch vốn được bổ sung.

Tăng cường lồng ghép các nguồn vốn, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lắp, lãng phí; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Các cấp, các ngành cần quán triệt đầy đủ về tầm quan trọng của Chương trình; khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư dự án và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu. Chủ đầu tư dự án thuộc Chương trình xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai dự án (*trong đó quy định cụ thể tiến độ hoàn thành, giải ngân toàn bộ nguồn ngân sách Trung ương từ Chương trình trong năm 2023*) đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, sử dụng nguồn vốn đúng đối tượng, phạm vi, mục đích, mục tiêu sử dụng, đồng thời đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư của dự án; kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, chủ đầu tư các dự án cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện chỉ thị này; trong đó:

- Xây dựng kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 của ngành, địa phương. Triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, trong đó xây dựng, đăng ký kế hoạch giải ngân chi tiết theo từng tháng đối với từng dự án, công trình, hạng mục công trình do đơn vị làm chủ đầu tư, quản lý dự án, phân công cụ thể lãnh đạo cơ quan, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, chuyên viên theo dõi từng công trình để tăng cường trách nhiệm, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo từng dự án; định kỳ báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo và xem xét, đánh giá kết quả công tác cuối năm.

- Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư thực hiện chỉ thị này; thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy (p/h chỉ đạo);
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT thông tin);
- Lưu VT, TH (V.Hải).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 339/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua
“Sơn La phát triển du lịch bền vững và hội nhập” giai đoạn 2023 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Kết luận số 90-KL/TU ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy về Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về các Đề án trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 204/TTr-SNV ngày 14 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Sơn La phát triển du lịch bền vững và hội nhập” giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC, Hương (10b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua

“Sơn La phát triển du lịch bền vững và hội nhập” giai đoạn 2023 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân, nhất là người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; giữ gìn, tôn tạo di sản văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường; đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Đồng thời, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện công tác phát triển du lịch của tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Sơn La phát triển du lịch bền vững và hội nhập” giai đoạn 2023 - 2025 (gọi tắt là Phong trào thi đua) cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Huy động tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo của cơ quan, doanh nghiệp, người dân, cộng đồng trên địa bàn tỉnh thi đua phát triển du lịch đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư, thu hút doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển du lịch đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

b) Phát triển du lịch là nhiệm vụ trọng tâm trong lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; gắn phát triển du lịch với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; giữ gìn, tôn tạo di sản văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường; đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

c) Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của phát triển du lịch trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tăng thu nhập và nâng cao đời sống của nhân dân; đổi mới tư duy phát triển du lịch, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp, cộng đồng trong ứng xử lịch sự, văn minh, thân thiện với khách du lịch.

d) Kịp thời biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua.

2. Yêu cầu

a) Phong trào thi đua phải được triển khai rộng khắp, thường xuyên với nội dung đa dạng, hình thức phong phú, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi đơn vị thu hút đông đảo đối tượng cơ quan, doanh nghiệp, người dân, cộng đồng trên địa bàn tỉnh thi đua phát triển du lịch, phát huy sự sáng tạo trong công tác phát triển du lịch, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển du lịch được giao hằng năm và cả giai đoạn 2021 - 2025.

b) Du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế quan trọng, từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp, có hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, có sản phẩm du lịch độc đáo mang đậm đà bản sắc dân tộc, trở thành điểm đến hấp dẫn, trọng điểm của vùng Tây Bắc, góp phần gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, nâng cao dân trí, tạo việc làm, giảm nghèo nhanh và bền vững.

c) Công tác bình chọn, xét đề nghị khen thưởng được thực hiện đúng quy định, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, có nhiều nỗ lực, phấn đấu, đổi mới, sáng tạo, thực sự có tác dụng giáo dục, nêu gương, có phạm vi ảnh hưởng, có sức lan tỏa trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

1. Đối tượng thi đua

a) Tập thể: Là các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, đoàn thể của tỉnh, các huyện, thành phố; di tích, khu di tích; khu, điểm, bản du lịch, hợp tác xã và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành; cơ sở lưu trú du lịch, bản du lịch cộng đồng có thành tích tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua (*gọi chung các cơ quan, đơn vị, địa phương*).

b) Cá nhân: Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; hướng dẫn viên, thuyết minh viên; quản lý, nhân viên, hộ kinh doanh dịch vụ du lịch tại các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, hợp tác xã, doanh nghiệp; di tích, khu di tích; khu, điểm, bản du lịch; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch.

2. Nội dung thi đua

Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ để đề ra nội dung thi đua phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ phát triển du lịch, cụ thể như sau:

a) Tuyên truyền nội dung Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc thực hiện Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND, ngày 31 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh về “Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La” giai đoạn 2022 - 2026; Đề án phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu đủ điều kiện được công nhận vào năm 2025; Đề án phát triển vùng lòng hồ Thủy điện Sơn La trở thành Khu Du lịch quốc gia; Đề án phát triển du lịch huyện Quỳnh Nhai trở thành Khu Du lịch cấp tỉnh; Đề án phát triển sản phẩm du lịch Sơn La đến năm 2030.

b) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá về tài nguyên, tiềm năng, lợi thế, hình ảnh địa phương, hình ảnh du lịch Sơn La; tích cực hưởng ứng các cuộc thi về du lịch và các cuộc thi liên quan đến tạo dựng hình ảnh địa phương, đến hoạt động du lịch do ngành chức năng các cấp phát động. Nâng cao nhận thức về vai trò của ngành du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của phát triển du lịch trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tăng thu nhập để nâng cao đời sống của nhân dân; đổi mới tư duy phát triển kinh tế, nâng cao ý thức người dân, doanh nghiệp, cộng đồng trong ứng xử văn minh, lịch sự, thân thiện với khách du lịch và bảo vệ hình ảnh, môi trường, góp phần phát triển bền vững, không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu và sức thu hút của du lịch.

c) Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển du lịch, xây dựng quy hoạch và tăng cường quản lý thực hiện quy hoạch phát triển du lịch đảm bảo triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương; chú trọng triển khai thực hiện dự án, đề án đã được phê duyệt; UBND các huyện, thành phố tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, trật tự xây dựng đối với các khu, điểm du lịch đã được phê duyệt quy hoạch, đang đầu tư, khai thác.

d) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ dân khởi nghiệp, tham gia các hoạt động phát triển dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh, tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch nhanh và bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động du lịch, vận động, kêu gọi sự ủng hộ, giúp đỡ của các doanh nghiệp và chủ thể kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển du lịch. Đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa các chuỗi cung ứng cung cấp dịch vụ khách du

lịch cần, xây dựng các khu, điểm du lịch, bản du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; nghiên cứu, khảo sát lựa chọn các bản có tiềm năng, lợi thế có sản phẩm đặc trưng, riêng biệt để tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn, thu hút khách du lịch đến khám phá, trải nghiệm, thưởng thức.

đ) Tăng cường công tác phát triển và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho du lịch của tỉnh theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập; chú trọng đào tạo nhân lực lao động làng nghề tại các cơ sở lưu trú, các khu điểm du lịch. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực du lịch; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, lao động nông thôn, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch tại các điểm.

e) Khai thác lợi thế về nông nghiệp để phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và sản vật địa phương, phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển du lịch thông minh và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch.

III. TIÊU CHÍ THI ĐUA, HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

1. Tiêu chí thi đua

a) Đối với tập thể

- Các sở, ban, ngành, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang, đoàn thể của tỉnh, các huyện, thành phố: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt 6 trong 8 tiêu chí sau:

+ Tích cực thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận số 94-KL/TU ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

+ Hoàn thành có chất lượng, đúng và vượt tiến độ các nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước, công tác đào tạo nguồn nhân lực và hoạt động chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực du lịch.

+ Tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển du lịch.

+ Có giải pháp hiệu quả trong tổ chức, thực hiện Phong trào thi đua. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc, được bình xét, suy tôn trong Phong trào thi đua.

+ Tích cực tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân hưởng ứng và thực hiện phong trào thi đua, tạo sự đồng thuận, lan tỏa trong xã hội.

+ Tích cực trong công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh miền đất, con người, tiềm năng du lịch và công tác phát triển du lịch của tỉnh.

+ Tích cực ứng dụng chuyển đổi số, phát triển du lịch thông minh và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch.

+ Là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua giai đoạn 2023 - 2025; năm 2023 hoặc năm 2024 được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tặng Giấy khen.

- Các di tích, khu di tích; khu, điểm, bản du lịch, hợp tác xã và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành; cơ sở lưu trú du lịch, bản du lịch cộng đồng: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt 7 trong 8 tiêu chí sau:

+ Tích cực hưởng ứng và thực hiện các phong trào thi đua phát triển du lịch; có thành tích tiêu biểu xuất sắc, được bình xét, suy tôn trong Phong trào thi đua.

+ Giữ gìn, đầu tư và khai thác, bảo vệ, phát huy tốt, hiệu quả tài nguyên du lịch; công tác quảng bá linh hoạt, phong phú và đạt hiệu ứng, hiệu quả cao.

+ Tham gia và hưởng ứng hiệu quả công tác xã hội hóa hoạt động du lịch trong nhiệm vụ phát triển du lịch của tỉnh.

+ Tích cực tham gia các cuộc thi nghiệp vụ lĩnh vực du lịch do các cấp tổ chức.

+ Gương mẫu trong việc tôn trọng và tích cực tăng cường liên kết vùng; giúp đỡ và chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch với cộng đồng.

+ Chú trọng thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng, đáp ứng yêu cầu không ngừng đổi mới và nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động. Có ít nhất 50% nhân viên trong cơ sở được đào tạo chuyên môn.

+ Tích cực ứng dụng chuyển đổi số, du lịch thông minh và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch.

+ Là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong Phong trào thi đua so với các đơn vị khác; năm 2023 hoặc năm 2024 được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tặng Giấy khen.

b) Đối với cá nhân

Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; hướng dẫn viên, thuyết minh viên; quản lý, nhân viên, hộ kinh doanh dịch vụ du lịch tại các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, hợp tác xã, doanh nghiệp; di tích, khu di tích; khu, điểm, bản du lịch; cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chí sau:

- Tích cực và sáng tạo trong công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh miền đất, con người, tiềm năng du lịch và công tác phát triển du lịch của tỉnh.

- Tích cực học tập nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn.
- Tích cực hưởng ứng và thực hiện các phong trào thi đua phát triển du lịch với những việc làm thiết thực.
- Trong hoạt động có ý tưởng, mô hình hay, sáng tạo, hiệu quả, dễ áp dụng và có sức lan toả tốt.
- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc , được bình xét, suy tôn trong phong trào thi đua; năm 2023 hoặc năm 2024 được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tặng Giấy khen.

2. Hình thức khen thưởng

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (tổng kết năm 2025).
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (tổng kết năm 2025).
- Giấy khen của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương (*hàng năm, tổng kết năm 2025*).

3. Tiêu chuẩn khen thưởng

a) Khen thưởng hàng năm đối với Giấy khen của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

Lựa chọn, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc khen thưởng theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

b) Khen thưởng tổng kết năm 2025

Căn cứ vào thành tích đạt được của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn khen thưởng tổng kết đảm bảo theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Phong trào thi đua được triển khai thực hiện từ năm 2023 đến năm 2025.

2. Năm 2023, 2024: Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả triển khai tổ chức thực hiện Phong trào thi đua, chủ động tiến hành khen thưởng hàng năm theo thẩm quyền.

3. Năm 2025: Tổng kết Phong trào thi đua; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua. Đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Căn cứ đặc điểm tình hình, nhiệm vụ chính trị được giao có trách nhiệm triển khai, thực hiện Phong trào thi đua sâu rộng, thiết thực, hiệu quả. Đẩy mạnh việc phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến và những sáng kiến, kinh nghiệm, mô hình, cách làm hiệu quả trong thực hiện Phong trào thi đua. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong triển khai thực hiện Phong trào thi đua.

b) Hằng năm các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Phong trào thi đua lồng ghép các Báo cáo: Báo cáo tổng kết công tác Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Báo cáo tổng kết Phong trào thi đua, công tác khen thưởng (*tại Hướng dẫn 2032/HD-SNV ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Sở Nội vụ*) gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh đúng thời gian quy định.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Tích cực nâng cao nhận thức về phát triển du lịch với nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của đoàn viên, hội viên trong việc thực hiện Phong trào thi đua; gắn với các phong trào, các cuộc vận động khác do các đoàn thể đang triển khai thực hiện, tạo động lực mới cho việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.

3. Các cơ quan báo chí và Đài Phát thanh và Truyền hình

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền, nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay trong thực hiện Phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, bám sát cơ sở nhằm phát hiện, biểu dương và nhân rộng những mô hình hay, cách làm mới, cách làm sáng tạo hiệu quả của các điển hình tiên tiến trong triển khai thực hiện Phong trào thi đua.

b) Tham mưu, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này. Phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, tổng hợp, đề xuất khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong tổ chức thực hiện Phong trào thi đua khi tiến tổng kết Phong trào thi đua.

5. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Phong trào thi đua.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng văn bản hướng dẫn khen thưởng khi tiến tổng kết Phong trào thi đua.

c) Thẩm định thành tích của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong tổ chức thực hiện Phong trào thi đua trình cấp có thẩm quyền khen thưởng khi tổng kết vào năm 2025.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để điều chỉnh cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 402/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai phong trào thi đua
“Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 77/TTr-CAT-PCCC ngày 17 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để b/c);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo PCCC&CNCH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, NC, ĐH.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai phong trào thi đua “Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2023 và triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định ban hành kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 (*gọi tắt là Phong trào thi đua*) với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an, cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (*viết tắt là PCCC và CNCH*). Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia công tác PCCC và CNCH. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia công tác PCCC và CNCH.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về PCCC và CNCH; kiểm chế số vụ cháy, nổ xảy ra và thiệt hại do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra, góp phần giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội phục vụ đắc lực công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Đổi mới tư duy, nhận thức, phương pháp, cách làm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền các địa phương, nòng cốt là các lực lượng chuyên trách trong công tác PCCC và CNCH và của người dân trong công tác này. Trong công tác PCCC và CNCH phải quán triệt quan điểm: Người dân là trung tâm, là chủ thể, đặt an toàn, tính mạng người dân là trên hết, trước hết; an toàn cháy, nổ để phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Trong công tác PCCC phải lấy phòng ngừa là chính, phòng là “xây”, chữa là “chống”, lấy phòng là “cơ bản – chiến lược - lâu dài”, làm tốt công tác phòng cháy để giảm công tác chữa cháy với phương châm: “*Từng nhà an toàn - Từng nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp an*

toàn - *Từng khu phố an toàn - Từng xã, phường, thị trấn an toàn*”. Huy động tối đa các lực lượng tại chỗ và Nhân dân tham gia chữa cháy, nhất là trong “*thời điểm vàng*” 5 phút kể từ khi vụ cháy xảy ra với phương châm: “*Lực lượng ở trong dân – Phương tiện ở trong dân - Hậu cần ở trong dân - Chỉ huy ở trong dân*”.

2. Yêu cầu

a) Phong trào thi đua phải trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong các Phong trào thi đua của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương.

b) Triển khai Phong trào thi đua sâu rộng, thiết thực, hiệu quả từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở với nội dung đa dạng, hình thức phong phú, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; phát huy được sáng kiến, cách làm sáng tạo của các cấp, ngành, các tầng lớp Nhân dân.

c) Việc biểu dương, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua phải đảm bảo thực chất, khách quan, minh bạch, tạo động lực thúc đẩy Phong trào thi đua phát triển, không chạy theo thành tích; kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

Với phương châm bốn tại chỗ trong công tác PCCC và CNCH “*Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ*”, tập trung thi đua thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau:

1. Thi đua thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Luật PCCC; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Công an, cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác PCCC và CNCH.

2. Thi đua tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCCC và CNCH cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; từ đó nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm tham gia vào công tác PCCC và CNCH. Gắn phong trào thi đua với việc xây dựng khu dân cư, gia đình văn hóa, nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PCCC và CNCH.

3. Thi đua tổ chức và tham gia các hoạt động hưởng ứng Tháng an toàn PCCC lần thứ 28 (*tháng 10 năm 2023*) và Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy lần thứ 22 (*ngày 04 tháng 10 năm 2023*) phù hợp với thực tế của địa phương như: Tổ chức mít tinh; gặp mặt truyền thống; ký giao ước thi đua; tổ chức ký cam kết bảo đảm an toàn PCCC giữa các đơn vị, cơ sở trọng điểm về PCCC, các hộ kinh doanh ở chợ, các hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát, củng cố hoạt động của lực lượng PCCC tại chỗ ...

4. Thi đua tăng cường công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH theo quy định của pháp luật; quan tâm đến việc đào tạo, xây dựng lực lượng, trang bị phương tiện, bảo đảm ngân sách cho hoạt động PCCC và CNCH. Thường xuyên tổ

chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là các cơ sở, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

5. Thi đua nhân rộng mô hình “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”, “*Điểm chữa cháy công cộng*” tại các khu dân cư; 100% ngõ, hẻm tập trung đông dân cư, có chiều dài từ 50m trở lên, xe chữa cháy không tiếp cận được phải có “*Điểm chữa cháy công cộng*”; tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng PCCC và thoát nạn cho các hộ gia đình, hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; tuyên truyền mỗi hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy.

6. Thi đua tổ chức và tình nguyện tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với những vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra tại địa bàn, cơ sở.

III. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, KINH PHÍ TRIỂN KHAI PHONG TRÀO THI ĐUA

1. Đối tượng: Các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong Phong trào thi đua.

2. Tiêu chí thi đua

a) Có giải pháp hữu ích trong việc tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện, kiểm tra... trong công tác PCCC và CNCH; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia PCCC và CNCH.

b) Nắm chắc tình hình địa bàn, cơ sở và triển khai đồng bộ các giải pháp, biện pháp đảm bảo an toàn PCCC và CNCH.

c) Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về PCCC và CNCH, không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản.

d) Tích cực hưởng ứng, tham gia công tác PCCC và CNCH tại nơi làm việc và địa phương nơi cư trú.

e) Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu công tác PCCC và CNCH được UBND tỉnh giao.

g) Có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất trong công tác PCCC và CNCH.

IV. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Phong trào thi đua được triển khai thực hiện từ ngày 15 tháng 3 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2023.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tỉnh, lực lượng vũ trang, các huyện, thành phố:

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Phong trào thi đua, hoàn thành trong tháng 3 năm 2023 gửi về Công an tỉnh và Sở Nội vụ.

- Tổng kết phong trào thi đua: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và lực lượng vũ trang

- Căn cứ điều kiện thực tiễn theo chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực triển khai Phong trào thi đua sâu rộng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiến độ.

- Có hình thức tuyên truyền phù hợp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các tầng lớp Nhân dân trong công tác PCCC và CNCH, qua đó tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện Phong trào thi đua.

- Đẩy mạnh việc phát hiện, biểu dương, tuyên truyền và nhân rộng những cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong Phong trào thi đua.

2. Công an tỉnh

- Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, làm tốt công tác tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị Quyết, Kết luận của Đảng, Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về PCCC và CNCH.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐND tỉnh, UBND tỉnh về công tác PCCC và CNCH. Chủ động nắm chắc tình hình có liên quan đến công tác PCCC và CNCH để tham mưu kịp thời các chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an toàn PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát các đối tượng có liên quan đến công tác PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh, đánh giá, phân loại địa bàn, cơ sở trọng điểm, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao để tăng cường quản lý nhà nước về PCCC và CNCH.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La và các cơ quan thông tin, truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH cho mọi tầng lớp Nhân dân. Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp, phương pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH. Phối hợp với UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị chức năng tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình tiêu biểu trong công tác PCCC.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai các biện pháp nghiệp vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về PCCC và CNCH. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến đảm bảo an toàn PCCC; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH, đối với các hành vi phạm nghiêm trọng, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ phải tiến hành tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật; nhân rộng mô hình “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”, “*Điểm*

chữa cháy công cộng” tại các khu dân cư. Đến ngày **20/6/2023**, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ gia đình trong các khu dân cư có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh đảm bảo tiêu chí tham gia “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”; 100% ngõ, hẻm tập trung đông dân cư, có chiều dài từ 50m trở lên, xe chữa cháy không tiếp cận được phải có “*Điểm chữa cháy công cộng*”; tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng PCCC và thoát nạn cho các hộ gia đình, hộ gia đình có nhà để ở, kết hợp sản xuất, kinh doanh. Bảo đảm chỉ tiêu đến ngày **15/12/2023** mỗi hộ gia đình có nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh có ít nhất 01 người được tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng về PCCC và thoát nạn; mỗi hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy; căn cứ vào tình hình thực tế, nghiên cứu xây dựng, nhân rộng và duy trì một số mô hình an toàn về PCCC như: “*Cụm cơ quan, doanh nghiệp an toàn PCCC*”, “*Chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về PCCC*”, “*Khu dân cư an toàn PCCC*”, “*Trường học an toàn PCCC*”...

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng hướng dẫn khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Phong trào thi đua và tổng hợp, thẩm định, đề nghị khen thưởng.

3. Sở Tư pháp

- Hướng dẫn các ngành thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và các huyện, thành phố đưa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về PCCC và CNCH vào Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023.

- Phối hợp với Công an tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

- Nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền về pháp luật, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH cho mọi tầng lớp Nhân dân; đa dạng các hình thức tuyên truyền bằng nhiều ngôn ngữ của đồng bào dân tộc ở địa phương, trong đó cần đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng mạng xã hội phục vụ công tác tuyên truyền về PCCC và CNCH; tập trung tuyên truyền vào các thời điểm có nguy cơ cháy, nổ cao, diễn biến thời tiết, khí hậu phức tạp.

- Tăng cường xây dựng các tin, bài, phóng sự tuyên truyền các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH, hướng dẫn các biện pháp PCCC và thoát nạn khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra; biểu dương gương người tốt, việc tốt trong công tác PCCC và CNCH; phê phán công khai các hành vi thiếu trách nhiệm, các vi phạm nghiêm trọng về PCCC và CNCH của các tổ chức, cá nhân; ưu tiên bố trí khung giờ, thời lượng tuyên truyền về công tác PCCC và kiến thức, kỹ năng PCCC, thoát hiểm, thoát nạn.

- Phối hợp với Công an tỉnh tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng PCCC và thoát nạn cho các hộ gia đình, hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh

- Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh đưa nội dung kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH vào giảng dạy cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc chủ động phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; tổ chức cho cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên ký cam kết không sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển và đốt các loại pháo, đốt thả đèn trời. Lồng ghép nội dung, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH vào chương trình giảng dạy, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng với nội dung phù hợp, tổ chức đăng ký thi đua xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn, điển hình tiên tiến về PCCC gắn việc xây dựng phong trào “*Toàn dân PCCC*” với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” và các phong trào thi đua yêu nước khác của địa phương; đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kỹ năng về PCCC vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của các tổ chức thành viên từ tỉnh đến cơ sở, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức, đoàn thể.

7. Sở Nội vụ

Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng hướng dẫn khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Phong trào thi đua và thẩm định thành tích trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

8. UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật. Quan tâm đào tạo, xây dựng lực lượng, trang bị phương tiện, bảo đảm ngân sách cho hoạt động PCCC và CNCH. Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, khu dân cư, hộ gia đình. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng, UBND cấp xã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH gắn với hướng dẫn

biện pháp đảm bảo an toàn PCCC, kỹ năng thoát nạn khi có cháy, tai nạn, sự cố xảy ra. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp tuyên truyền, lồng ghép trong các hoạt động văn hóa xã hội và trong sinh hoạt chi bộ thôn, bản, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; kết hợp tuyên truyền qua hệ thống phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh tại các khu dân cư với tuyên truyền lưu động trên các tuyến đường phố chính, khu vực đông dân cư, chợ, trung tâm thương mại. Triển khai phát tờ rơi, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH tới hộ gia đình và tổ chức cho các hộ gia đình, hộ kinh doanh ký cam kết đảm bảo an toàn PCCC. Chỉ đạo xây dựng các mô hình điển hình tiên tiến trong phong trào “*Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*”; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH; đẩy mạnh các hoạt động hưởng ứng Tháng an toàn PCCC lần thứ 28 (*tháng 10 năm 2023*), Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy lần thứ 22 (*ngày 04 tháng 10 năm 2023*).

- Nhân rộng mô hình “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”, “*Điểm chữa cháy công cộng*” tại các khu dân cư. Đến ngày 20 tháng 6 năm 2023, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ gia đình trong khu dân cư có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh đủ tiêu chí tham gia “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”; 100% ngõ, hẻm tập trung đông dân cư, có chiều dài từ 50m trở lên, xe chữa cháy không tiếp cận được phải có “*Điểm chữa cháy công cộng*”; tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng PCCC và thoát nạn cho các hộ gia đình, hộ gia đình có nhà để ở, kết hợp sản xuất, kinh doanh. Bảo đảm chỉ tiêu đến ngày 15 tháng 12 năm 2023, 100% hộ gia đình có nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh có ít nhất 01 người được tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng về PCCC và thoát nạn; mỗi hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH, trang bị phương tiện và duy trì hoạt động của lực lượng dân phòng theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào tình hình thực tế địa phương nghiên cứu xây dựng, nhân rộng và duy trì một số mô hình an toàn về PCCC như: “*Cụm cơ quan, doanh nghiệp an toàn PCCC*”, “*Chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về PCCC*”, “*Khu dân cư an toàn PCCC*”, “*Trường học an toàn PCCC*”...; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức hội thi, hội thao PCCC và CNCH cho lực lượng dân phòng hoặc cho hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; UBND thành phố Sơn La tiến hành tổ chức Hội thao nghiệp vụ chữa cháy và CNCH của lực lượng PCCC cơ sở, dân phòng trên địa bàn thành phố năm 2023.

9. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ PCCC và CNCH tại cơ quan, đơn vị, cơ sở theo quy định của pháp luật; đảm bảo duy trì các điều kiện an toàn PCCC và CNCH; thường xuyên chỉ đạo tự kiểm tra chấn chỉnh công tác PCCC, kịp thời phát hiện, khắc phục ngay những tồn tại, thiếu

sốt gây mất an toàn về PCCC thuộc phạm vi quản lý của mình; chủ động xây dựng và thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH theo quy định của pháp luật; sẵn sàng lực lượng, phương tiện đáp ứng khả năng xử lý khi có tình huống sự cố cháy, nổ, tai nạn xảy ra.

- Chủ động làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thấy rõ trách nhiệm, tự giác chấp hành pháp luật PCCC và CNCH, tích cực, chủ động tham gia phong trào thi đua; thành lập, củng cố, huấn luyện nghiệp vụ và duy trì có hiệu quả hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

- Tất cả các cơ quan, đơn vị, cơ sở thuộc diện quản lý Nhà nước về PCCC và CNCH xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua; tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng Tháng an toàn PCCC lần thứ 28 (*tháng 10 năm 2023*), Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy lần thứ 22 (*ngày 04 tháng 10 năm 2023*).

10. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương và lực lượng vũ trang báo cáo kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua và hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Công an tỉnh (*qua Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH*) trước ngày 18 tháng 12 năm 2023.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com